

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 122/2020/DS - ST

Ngày: 22/6/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Vũ Bình.

Ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: **Nguyễn Ngọc Phụng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1963

Cư trú: ấp An Cư, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988

Cư trú: ấp Đăng Phong Trên, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1965.

Hồ Kim L, sinh năm 1965.

Cùng cư trú: ấp Tân Ninh, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Chị N, anh T có mặt; chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N trình bày:

Ông Nguyễn Văn M là chủ địa lý thức ăn gia súc. Từ năm 2016 đến năm 2019, ông Minh có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Thanh và chị Hồ Kim L. Khi bắt đầu việc mua bán, ông M, anh T, chị L có thỏa thuận ngay khi bán heo thì trả đủ tiền thức ăn. Việc mua bán thức ăn được theo

đổi bằng sổ, tuy nhiên, khi anh T, chị L bán heo xong nhưng không trả đủ tiền nợ thức ăn cho ông M. Ngày 27/7/2019, giữa ông M, anh T, chị L chốt nợ thì anh chị còn nợ ông M số tiền 101.919.000đồng. Sau khi chốt nợ thì ông Minh nhiều lần yêu cầu anh T, chị L trả nợ nhưng anh chị cứ hẹn mà không thực hiện.

Nay, ông Minh yêu cầu anh T, chị L cùng có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ thức ăn là 101.919.000đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 27/7/2019 đến ngày xét xử, tạm tính là 5.921.000đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh T trình bày:

Anh và chị Hồ Kim L là vợ chồng. Vợ chồng anh bắt đầu việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo của ông M từ ngày 16/6/2014 đến năm 2019, mua bằng hình thức gói đầu, đến khi xuất chuồng thì trả tiền. Việc chăn nuôi heo và mua thức ăn đều do anh và chị L thực hiện. Trong quá trình mua thức ăn từ năm 2014 đến năm 2018 thì trả đủ tiền nợ. Đến năm 2019 do heo bị dịch bệnh, heo chết, bán lỗ nên vợ chồng anh còn nợ tiền thức ăn ông Minh là 101.919.000đồng, từ đó đến nay, anh chưa trả được khoản tiền nào.

Nay, vợ chồng anh đồng ý trả số tiền 101.919.000đồng nhưng xin trả từ từ mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi 5.921.000đồng anh không đồng ý trả vì khi mua bán ông Minh không có nói trả lãi.

* Tại bản tự khai bị đơn chị L trình bày: Chị và anh T là vợ chồng. Từ năm 2014 đến năm 2019 vợ chồng chị có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông Minh hiện còn nợ số tiền 101.919.000đồng. Nay, vợ chồng chị đồng ý số tiền số tiền này nhưng xin trả mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế gia đình gia đình khó khăn, đối với số tiền lãi chị không đồng ý trả.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Hồ Kim L có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Văn T, chị Hồ Kim L là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh T, chị L cùng có nghĩa vụ trả số tiền 101.919.000đồng là có cơ sở, bởi lẽ, giữa ông M, anh T, chị L có xác lập hợp đồng mua bán như lời trình bày của các đương sự và phù hợp với lời khai của chị L tại bản tự khai ngày 14/5/2020. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Như yêu cầu anh T, chị L trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, anh T, chị L đồng ý trả số tiền 101.919.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, yêu cầu xin trả dần không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc anh T, chị L cùng có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 101.919.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi, do phía anh T, chị L chậm thanh toán số nợ nêu trên nên đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Như yêu cầu anh T, chị L trả tiền lãi từ ngày 27/7/2019 đến ngày xét xử 22/6/2020 là 10 tháng theo lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 8.459.000đồng ($101.919.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 10\text{ tháng} = 8.459.000\text{đồng}$) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh T, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều Điều 147, 430, 440, 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Hồ Kim L cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền vốn 101.919.000đồng và tiền lãi 8.459.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 110.378.000đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng*). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông M cho đến khi thi hành án xong, anh T, chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Nguyễn Văn T, chị Hồ Kim L chịu số tiền 5.518.900đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền tạm ứng án phí 2.696.000đồng theo biên lai thu số 003637 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng chị L kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Bình

Về nội dung: Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cãi vã, gây gổ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự

động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Mặc khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về án phí HNST:**

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đường sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình